

Bản án số: 297/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 381/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1995;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số A phố H, khu E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Nhật Bản.

2. **Bị đơn:** Anh **Phạm Duy L1**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị L:** Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1965; Địa chỉ: A phố H, khu E, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Chị L, anh L1, bà T vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Duy L1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/3/2014. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2017 anh L1 đi lao động ở Đài Loan – Trung Quốc. Từ năm 2019 anh L1 không còn quan tâm tới gia đình, vợ con, dẫn đến vợ chồng không còn chia sẻ với nhau về cuộc sống, công việc và gia đình và chầm dứt liên lạc với chị. Năm 2021 anh L1 về Việt Nam sinh sống nhưng cũng không lo làm ăn, nên kinh tế gia đình càng khó khăn, mâu thuẫn càng gay gắt, vợ chồng không có tiếng nói chung. Năm 2022 chị đi lao động ở Nhật Bản cho đến nay. Vợ chồng chị không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Duy L1.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có con chung là Phạm Duy Anh K, sinh ngày 18/03/2016 do chị nuôi dưỡng từ nhỏ tới nay. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian chị ở nước ngoài, chị ủy quyền cho bà Vũ Thị T là bà ngoại của cháu K sẽ thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, anh Phạm Duy L1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị L trình bày là đúng, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L. Về con chung, anh đồng ý để chị Liên tiếp t chăm nom, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T (mẹ chị L) trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 không có hạnh phúc, vợ chồng không hòa hợp, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Chị L có đơn đề nghị giải quyết ly hôn với anh L1 là do vợ chồng anh chị tự quyết định, gia đình bà không có ý kiến gì. Trong thời gian chị L ở nước ngoài, bà nhất trí tạm nuôi cháu Phạm Duy Anh K và không yêu cầu chị L, anh L1 trả bất cứ chi phí gì.

*Tại phiên tòa:*

Chị Phạm Thị L, anh Phạm Duy L1, bà Vũ Thị T vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xứ cho Chị Phạm Thị L ly hôn anh Phạm Duy L1; Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Duy Anh K, sinh ngày 18/03/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên

không phải giải quyết; Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị L hiện cư trú, lao động tại Nhật Bản. Trong thời gian nghỉ phép ở Việt Nam chị gửi đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Phạm Duy L1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại phiên tòa các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Duy L1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/3/2014 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2017 anh L1 đi lao động ở Đài Loan – Trung Quốc đến năm 2019 anh L1 không còn quan tâm tới gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng không còn chia sẻ được với nhau về cuộc sống, công việc và gia đình. Năm 2021 anh L1 về Việt Nam sinh sống nhưng cũng không lo làm ăn nên kinh tế gia đình càng khó khăn, mâu thuẫn càng gay gắt. Năm 2022 chị L đi lao động ở Nhật Bản và vợ chồng chấm dứt liên lạc với nhau. Chị L và anh L1 cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ hôn nhân, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị L, anh L1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Phạm Duy L1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Duy L1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Duy L1 có 01 con chung là Phạm Duy Anh K, sinh ngày 18/03/2016. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất cho con chung chưa thành niên, HĐXX giao cho do chị Liên tiếp t nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Trong thời gian chị L ở nước ngoài, tạm giao cho bà Vũ Thị T là bà ngoại của cháu K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Phạm Duy L1 cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của các đương sự.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Duy L1 xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không

xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị L** ly hôn anh **Phạm Duy L1**.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Duy Anh K, sinh ngày 18/03/2016. Chị Phạm Thị L tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Duy L1 phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Phạm Duy L1 thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trong thời gian chị Phạm Thị L không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Phạm Duy A Khoa cho bà Vũ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000863 ngày 15/7/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, anh Phạm Duy L1, bà Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Gia Tân, huyện Gia Lộc  
(*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**